

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Số: 212/CMT-HĐQT

V/v CBTT báo cáo thường niên năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (mã chứng khoán PCE) công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2016 như tài liệu đính kèm.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

**Đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2016.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Văn Quyền



**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**  
*Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định*  
*Đt: 056.3848488 – Fax: 056.3848588 – Website: [www.pce.vn](http://www.pce.vn)*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2016**

*Quy Nhơn, tháng 3 năm 2017*

# MỤC LỤC

<b>Phần I. Thông tin chung</b> .....	<b>01</b>
I. Thông tin khái quát.....	01
II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	01
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	02
IV. Định hướng phát triển.....	03
V. Các rủi ro.....	03
<b>Phần II. Tình hình hoạt động trong năm 2016</b> .....	<b>05</b>
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	05
II. Tổ chức và nhân sự.....	06
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	07
IV. Tình hình tài chính.....	07
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	09
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	09
<b>Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b> .....	<b>11</b>
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
II. Tình hình tài chính.....	11
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	12
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	13
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	14
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty... ..	14
<b>Phần IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....	<b>15</b>
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	15
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	15
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	16
<b>Phần V. Quản trị Công ty</b> .....	<b>17</b>
I. Hội đồng quản trị.....	17
II. Ban Kiểm soát.....	18
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS.....	20
<b>Phần VI. Báo cáo tài chính</b> .....	<b>21</b>
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	21

## PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

### I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/3/2016.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Lô A2, Cụm CN Nhơn Bình, P.Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định.
- Số điện thoại: 056 - 3848488.
- Số fax: 056 - 3848588.
- Website: www.pce.vn.
- Mã chứng khoán: PCE

#### ***Quá trình hình thành và phát triển***

- Ngày 14/01/2005, thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 27/12/2007, đổi tên Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên thành Xí nghiệp kinh doanh Phân bón Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 01/9/2008, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/01/2011, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/6/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 02/7/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.
- Ngày 23/7/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PCE.

### II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### ***Ngành nghề kinh doanh:***

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.

**Địa bàn kinh doanh:**

Địa bàn kinh doanh của Công ty bao gồm 11 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên là Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum và ĐakLak.

**III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- **Mô hình quản trị:**

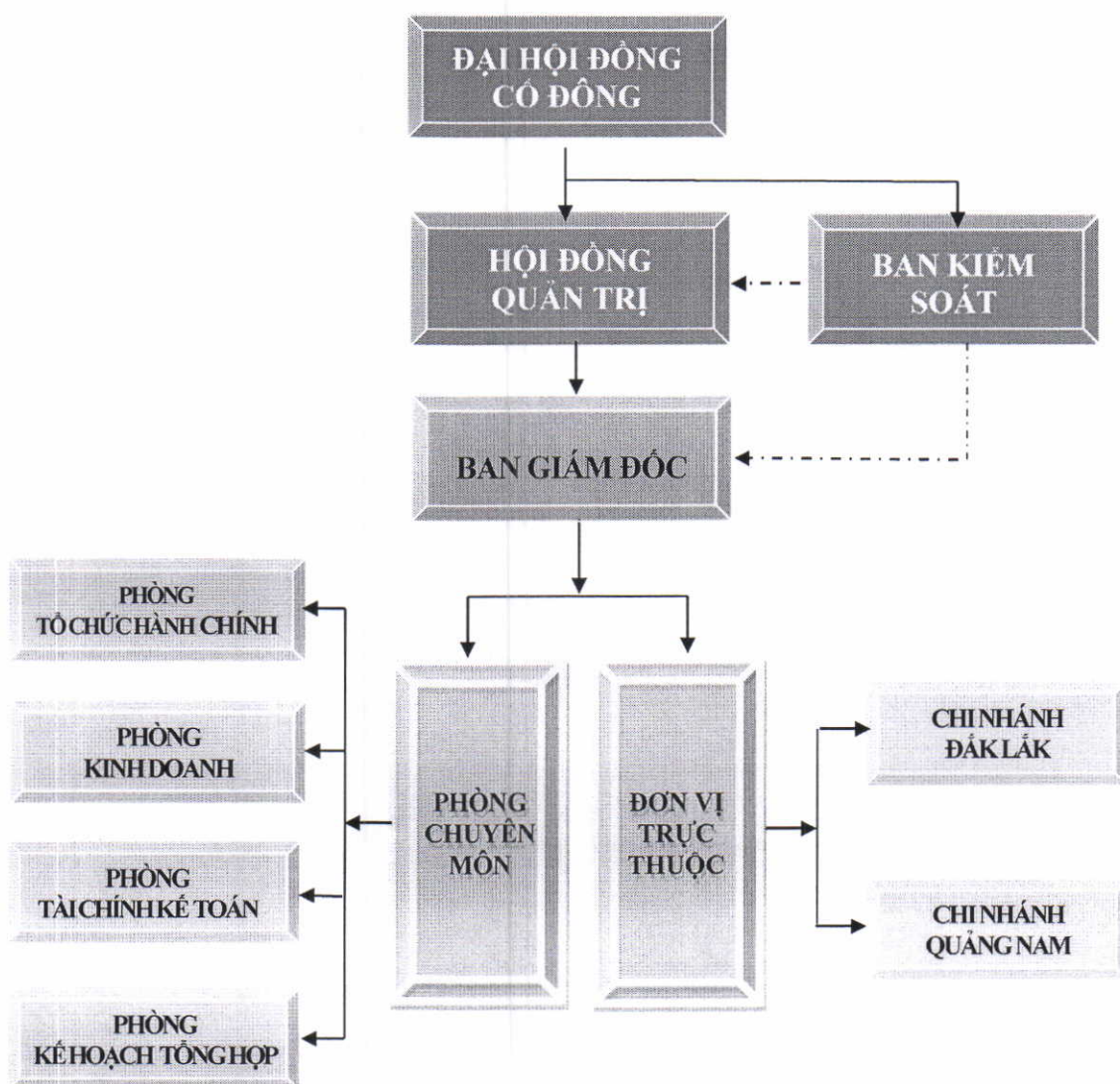
Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



*Handwritten signature*

#### **IV. Định hướng phát triển**

##### ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:***

- Duy trì vị thế của Công ty là doanh nghiệp kinh doanh, phân phối phân bón số 1 tại khu vực Miền Trung – Tây nguyên và có thương hiệu, uy tín tại Việt nam.
- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm phân bón chủ lực của PVFCCo sản xuất. Phát triển kinh doanh một số loại hóa chất phục vụ công nghiệp dầu khí và nông nghiệp.

##### ***Chiến lược phát triển đến năm 2025:***

- Duy trì 70% thị phần phân bón Ure tại khu vực.
- Đẩy mạnh, gia tăng thị phần kinh doanh đảm bảo tiêu thụ hết và có hiệu quả NPK Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón Phú Mỹ khác được PVFCCo giao.
- Duy trì và phát triển thương hiệu phân bón Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường.
- Đảm bảo quyền lợi cũng như gia tăng lợi ích của nhà đầu tư.
- Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

#### **V. Quản trị rủi ro**

Với trách nhiệm thúc đẩy thành công dài hạn doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Trong năm 2016, Công ty quản trị các rủi ro trọng yếu bao gồm:

1. *Rủi ro về thị trường:* Do tình trạng cung vượt cầu nên thị trường Ure trong nước phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn. Trước những thách thức này, Công ty tăng cường rà soát, kiểm toán hệ thống phân phối, phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty và hệ thống đại lý, bao phủ toàn bộ 11 tỉnh khu vực miền Trung – Tây Nguyên, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ.
2. *Rủi ro cạnh tranh về giá phân bón:* Giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá phân bón thế giới, đặc biệt là khu vực miền Trung – Tây Nguyên, có sự biến động lớn trong thời gian qua. Công ty phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định giá bán sản phẩm hợp lý, sát với giá thị trường nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh. Bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường tại khu vực.
3. *Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng:* Chính sách bán hàng của Công ty được thực hiện một cách linh động nhưng vẫn có sự kiểm soát có hệ thống. Công nợ bán hàng được quy định riêng cho từng nhóm sản phẩm, hạn mức công nợ căn cứ vào năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng đại lý. Trong năm 2016, Công ty không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong các giao dịch mua bán hàng.
4. *Rủi ro về thời tiết:* Việc biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, nước biển dâng... đang không ngừng gia tăng. Trong đó, nông nghiệp là một trong các lĩnh vực chịu tác động trực tiếp và ảnh

hưởng lớn nhất: làm thay đổi cấu trúc mùa vụ, thiếu hụt nguồn nước tưới tiêu, sâu bệnh dịch hại gia tăng, giảm năng suất, sản lượng. Công ty đã tổ chức các buổi tọa đàm về các giải pháp nhằm thích nghi trong tình hình biến đổi khí hậu nhằm giữ được sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội cũng như môi trường.

5. *Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới:* Trong xu thế nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng. Để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và mở rộng thị trường, Công ty hướng đến việc cung ứng nhiều sản phẩm khác biệt, có chất lượng vượt trội phù hợp với thổ nhưỡng và cây trồng tại khu vực để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.
6. *Rủi ro về môi trường, luật định:* Việt Nam phải mở cửa trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần Urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh. Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt hại cho những doanh nghiệp kinh doanh nghiêm túc như Công ty. Chính sách thuế đang trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón.

Trên cơ sở nhận diện những rủi ro như trên, Công ty đã đưa ra các biện pháp kiểm soát thường xuyên để kịp thời phát hiện và có những giải pháp ngăn chặn, hạn chế rủi ro nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã định.

## PHẦN II

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

#### I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016

##### 1. Tình hình thị trường kinh doanh phân bón năm 2016:

Biến đổi khí hậu đang ngày càng tác động xấu đến nền kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là đối với sản xuất nông nghiệp. Tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lũ bất thường, nắng nóng và hạn hán đã xảy ra thường xuyên hơn với mức độ ngày càng nghiêm trọng gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp và dẫn đến nhu cầu phân bón giảm.

Giá dầu giá khí thế giới giảm trong năm qua đã kéo theo giá phân bón thế giới và trong nước liên tục giảm. Nguồn cung phân bón bao gồm cả nhập khẩu tăng 8% trong khi nhu cầu giảm 10%. Riêng mặt hàng Ure nhập khẩu tăng hơn 200% so với cùng kỳ năm 2015 dẫn đến tình trạng giá phân bón thấp kéo dài trong năm 2016 (giảm từ 12% - 25%).

Bên cạnh đó, giá các mặt hàng nông sản biến động lớn, nhiều thời điểm giá ở mức thấp và giảm sâu so với cùng kỳ nhiều năm (như cao su, cà phê và đặc biệt là giá hồ tiêu giảm gần 30% so với năm 2015), vì vậy bà con nông dân giảm bớt chi phí bón phân hoặc ưu tiên sử dụng các sản phẩm phân đơn rẻ tiền và hạn chế sử dụng phân NPK.

Nhìn chung, tình hình thị trường phân bón trong năm 2016 suy giảm mạnh trong nhiều năm gần đây và được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp theo chiều hướng xấu trong năm 2017.

##### 2. Kết quả kinh doanh năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH 2016/ KH 2016	TH 2016/ TH 2015
<b>A</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>	<b>Tấn</b>	<b>335.513</b>	<b>260.000</b>	<b>311.617</b>	<b>120%</b>	<b>93%</b>
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	218.732	160.000	204.201	128%	93%
2	Phân bón TH PM	Tấn	68.418	65.000	72.051	111%	105%
3	Phân bón tự doanh	Tấn	46.717	35.000	35.131	100%	75%
4	Hóa chất	Tấn	1.645	0	234	0%	14%
<b>B</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng Tài sản	Tỷ đồng	265	280,00	196,14	70%	74%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	175	149,00	161,00	108%	92%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.457,12	1.956,60	2.002,67	102%	82%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,90	19,94	31,49	158%	88%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,00	15,95	25,17	158%	90%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10,12	5,53	11,59	210%	115%
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	90,05	131,00	35,14	27%	39%
<b>C</b>	<b>Chỉ tiêu đầu tư</b>						
1	Giá trị thực hiện	Tỷ đồng	1,23	2,30	2,30	100%	187%
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1,23	2,30	2,30	100%	187%



## II. Tổ chức và nhân sự

### 1. Danh sách Ban điều hành:

#### **Ông Cao Trung Kiên**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Trần Tuấn Nam**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc  
Năm sinh: 1970  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Nguyễn Văn Quyền**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc  
Năm sinh: 1969  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

#### **Ông Mai Thanh Hải**

Chức vụ: Phó Giám đốc  
Năm sinh: 1978  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Lê Thanh Viên**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Nguyễn Phạm Trung**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT  
Năm sinh: 1977  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

#### **Bà Nguyễn Thị Kim Anh**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Phạm Thành Long**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Nguyễn Thanh Mạnh**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
Năm sinh: 1977  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

### 2. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tính đến thời điểm 31/12/2016: Tổng số lao động của Công ty là 63 người (trong đó lao động nữ là 20 người). 100% lao động được ký HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động (trong đó 46 HĐLĐ không xác định thời hạn; 17 HĐLĐ có thời hạn từ 12-36 tháng)

- Trong năm 2016, Công ty tiếp tục xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện các nội quy, quy chế liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty Cổ phần niêm yết (như: Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương; Quy chế về chế độ công tác phí, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác; Quy chế quản lý, sử dụng trang thiết bị, tài sản...)
- Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của NLĐ nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

### III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Năm 2016, Công ty không đầu tư và thực hiện dự án nào.

### IV. Tình hình tài chính

#### 1. Tình hình tài chính:

*DVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm
Tổng tài sản	196,14	264,61	-26%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.997,25	2.452,14	-19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31,29	34,39	-9%
Lợi nhuận khác	0,20	1,51	-86%
Lợi nhuận trước thuế	31,49	35,90	-12%
Lợi nhuận sau thuế	25,17	27,96	-10%
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	12%	20%	-40%

Do sự biến động về thời tiết, khí hậu hết sức phức tạp và sự suy giảm của thị trường phân bón thế giới và trong nước trong năm 2016 đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty giảm so với năm 2015: tổng tài sản giảm 26%, doanh thu thuần của tất cả các hoạt động giảm 19%, lợi nhuận trước thuế giảm 12%, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ năm 2016 đã được thông qua.

#### 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73,31%	78,32%	-6%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	26,69%	21,68%	23%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	17,92%	38,33%	-53%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	82,08%	61,67%	33%

Nguồn vốn lưu động tự có năm 2016 của Công ty luôn giữ ở mức cao như tài sản ngắn hạn chiếm 73,31% trong tổng tài sản, vốn chủ sở hữu chiếm 82,08% trong tổng nguồn vốn, đồng nghĩa với công nợ phải trả chiếm 17,92% và giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước là 53%, chỉ tiêu này cho thấy nguồn vốn của Công ty ổn định, luôn đảm bảo kịp thời khi nguồn vốn xoay vòng, tái đầu tư vào hoạt động kinh doanh.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	4,09	2,04	100%
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,18	1,41	125%

Với sự dịch chuyển trong cơ cấu nguồn vốn năm 2016 đã kéo khoản nợ phải trả giảm xuống 53% so với năm 2015. Đồng thời tạo nên cán cân thanh toán trên nợ phải trả ở mức cao, từ 3 đến 4 lần so với khoản nợ phải trả và tăng trên 100% so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy được khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo, thực hiện tốt nghĩa vụ công nợ đối với các nhà cung cấp.

- Năng lực hoạt động năm 2016:

Chỉ tiêu	Số vòng/ năm 2016	Số vòng/ năm 2015	Tăng/giảm	Số ngày/vòng (năm 2016)
Vòng quay hàng tồn kho	40	32	25%	9
Vòng quay khoản phải thu	74	72	2%	5

Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 là 40 vòng/năm, nghĩa là chu kỳ lưu kho hàng hóa 9 ngày thì được đưa vào thị trường tiêu thụ, nhanh hơn 25% so với cùng kỳ năm 2015. Đồng thời, vòng quay các khoản phải thu là 74 vòng/năm, đồng nghĩa với việc đưa hàng hóa vào thị trường tiêu thụ thì sau 5 ngày luồng tiền sẽ được thu về. Qua đó, cho thấy khả năng quản lý, sử dụng nguồn vốn trong hoạt động điều phối hàng tồn kho, quản lý công nợ phải thu có hiệu quả.

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	12,32	15,53	-21%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	8,67	9,22	-6%
Lợi nhuận ròng/Doanh thu thuần	1,26%	1,14%	11%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH bình quân (ROE)	15,53%	17,70%	-12%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	10,92%	10,51%	4%

Các chỉ số doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu và Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2016 đều giảm lần lượt là 21%, 6% so với cùng kỳ năm trước nhưng khả năng sinh lời của một đồng doanh thu thì tăng 11% so với cùng kỳ năm 2015. Điều này thấy được đồng vốn đưa vào đầu tư trong hoạt động kinh doanh thì giảm so với kỳ cùng năm trước, nhưng khả năng sinh lời thì cao hơn.

Nhìn chung, tình hình tài chính năm 2016 của Công ty ổn định, luôn đảm bảo kịp thời nguồn vốn để phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh, trước sự biến đổi ngày càng phức tạp của thị trường phân bón tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

## **V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

### **1. Cổ phần:**

Công ty hiện đang lưu hành 10.000.000 cổ phần phổ thông. Tất cả là cổ phần chuyển nhượng tự do.

### **2. Cơ cấu cổ đông:**

Tính đến 25/11/2016, Công ty có 106 cổ đông, trong đó có 02 cổ đông lớn là PVFCCo chiếm 75% và Ông Nguyễn Hữu Luận chiếm 8,5%, còn lại là các cổ đông nhỏ lẻ (theo danh sách do VSD cung cấp tại Công văn số C349/2016-PCE/VSD-ĐK ngày 30/11/2016).

### **3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Năm 2016, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

## **VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

### **1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước:**

Với mô hình là công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên không có rác thải công nghiệp và không sử dụng nhiều năng lượng, nước.

### **2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp; Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động về công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện đo kiểm mức độ ô nhiễm tại các kho định kỳ 6 tháng/lần, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV và có chế độ bồi dưỡng phù hợp.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa rác thải nguy hại theo đúng yêu cầu. Chất thải rắn, chất thải nguy hại phải được đăng ký, phân loại, thu gom và lưu trữ tạm thời để xử lý.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

### **3. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV.
- Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CBNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.

#### **4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty quản lý như chương trình tết vì người nghèo, cứu trợ bão lũ, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.
- Tổ chức gây dựng và đóng góp Quỹ tương thân tương ái của Công ty nhằm chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- Thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các trung tâm bảo trợ xã hội...
- Nhận phụng dưỡng 05 Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn Công ty quản lý với mức phụng dưỡng là 1 triệu đồng/mẹ/tháng cùng với suất quà trị giá 300 nghìn đồng. Đồng thời tổ chức thăm khám sức khỏe cho các Mẹ định kỳ 3 tháng/lần.

## PHẦN III

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Trong bối cảnh thị trường phân bón năm 2016 cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khó dự báo và thời tiết diễn biến khắc nghiệt, bất thường. Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung, các chỉ tiêu của Công ty trong năm 2016 đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

#### II. Tình hình tài chính

##### 1. Tình hình tài sản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2016	31/12/2015	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	196,14	264,61	-68,47	-26%
2.	Các khoản nợ phải thu ngắn hạn. Trong đó:	”	28,16	25,78	2,38	9%
2.1	Phải thu của khách hàng	”	21,03	14,03	7,00	50%
2.2	Trả trước cho người bán	”	5,63	6,86	-1,23	-18%
2.3	Các khoản phải thu khác	”	1,51	4,89	-3,38	-69%

Tính đến ngày 31/12/2016:

- Tổng tài sản của Công ty là 196,14 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ năm 2015.
- Các khoản phải thu ngắn hạn là 28,16 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2015. (Trong đó: Chủ yếu là các khoản phải thu tiền hàng của Công ty Nam Du Gia Lai là 11,32 tỷ đồng; Công ty Minh Tân là 7,07 tỷ đồng; Khoản tiền phải thu để làm dịch vụ cho Tổng công ty là 2,57 tỷ đồng).
- Công ty không có các khoản phải thu dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{1.997,252 \text{ tỷ đồng}}{230,375 \text{ tỷ đồng}} = 9 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}} = \frac{1.997,252 \text{ tỷ đồng}}{48,333 \text{ tỷ đồng}} = 41 \text{ vòng}$$

Các chỉ số trên cho thấy hiệu suất sử dụng tổng tài sản và tài sản cố định của Công ty có hiệu quả, với 1 đồng của tổng tài sản, tài sản cố định đầu tư vào hoạt động kinh doanh thì sinh ra từ 9 đến 41 đồng doanh thu trong một năm.

## 2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chi tiêu	ĐVT	31/12/2016	31/12/2015	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	196,14	264,61	-68,47	-26%
2.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó:	”	35,14	101,43	-66,28	-65%
2.1	Phải trả cho người bán	”	6,69	77,05	-70,37	-91%
2.2	Người mua trả tiền trước	”	8,44	2,87	5,57	194%
2.3	Các khoản phải trả khác	”	20,01	21,51	-1,49	-7%

Tính đến ngày 31/12/2016:

- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn là 35,14 tỷ đồng, giảm 65% so với cùng kỳ năm 2014. (Trong đó: Chủ yếu là các khoản phải trả tiền hàng cho Tổng công ty là 3,07 tỷ đồng; Các công ty thực hiện dịch vụ khoảng 3 tỷ đồng. Các khoản phải trả khác là 20,01 tỷ đồng, là các quỹ được trích lập như: Quỹ tiền lương của người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư tài chính và cổ tức phải trả cho cổ đông).
- Công ty không có các khoản nợ phải trả dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Các chỉ số nợ phải trả:

$$\text{Hệ số nợ trên Tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{35,142 \text{ tỷ đồng}}{196,140 \text{ tỷ đồng}} = 17,92\%$$

$$\text{Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{35,142 \text{ tỷ đồng}}{160,998 \text{ tỷ đồng}} = 21,83\%$$

Các chỉ số trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm 17,92% trong tổng tài sản và tỷ lệ nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu là 21,83%. Điều này cho thấy cơ cấu nợ phải trả ở mức thấp, công nợ phải trả luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định và nguồn vốn sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn tự có của Công ty.

## III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thường xuyên rà soát, cập nhật kiện toàn hệ thống quản lý, công tác tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Tổ chức và vận dụng hiệu quả các buổi hội thảo, đào tạo nội bộ để CBNV có điều kiện phát huy tính sáng tạo, đổi mới trong mỗi chuyên đề/hoạt động; Kịp thời khen thưởng, động viên cho những ý tưởng có tính khả thi cao.
- Vận dụng có hiệu quả dự án KPIs và dự án cải tiến chính sách tiền lương, khung năng lực, từ điển năng lực trong quá trình tuyển dụng, đào tạo, đánh giá cán bộ.
- Xây dựng và dần hoàn thiện các chính sách hỗ trợ bán hàng để kích thích các cửa hàng cấp 2 tiêu thụ các sản phẩm phân bón Phú Mỹ; Nghiên cứu và hoàn thiện bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ phù hợp với nhu cầu, thị trường và từng loại cây trồng chủ lực; Đa dạng hóa các chương trình xúc tiến thương mại.

- Áp dụng và triển khai có hiệu quả hệ thống phần mềm tích điểm nhằm tạo động lực tiêu thụ trong toàn hệ thống.
- Thực hiện chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

#### **IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Tình hình biến đổi khí hậu đang diễn biến hết sức phức tạp theo chiều hướng bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và khó dự báo. Thị trường phân bón sẽ cạnh tranh gay gắt hơn trong bối cảnh nhu cầu sử dụng giảm do tác động của yếu tố thời tiết trong khi nguồn cung tiếp tục tăng.

Nhằm giảm thiểu rủi ro, ứng phó kịp thời với mọi tình huống, diễn biến của thị trường, thích ứng với những thay đổi về chính sách của Nhà nước và chủ động trong hoạt động kinh doanh. Công ty xác định và đặt ra một số giải pháp kế hoạch để phát triển như sau:

- Tổ chức hoạt động kinh doanh và đầu tư năm 2017 đạt mục tiêu: An toàn, Hiệu quả và Tiết kiệm.
- Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó cần tập trung vào các yếu tố chính như: đội ngũ kinh doanh, sản phẩm dịch vụ, đại lý cửa hàng và quản lý hệ thống.
- Triển khai tiêu thụ sản phẩm chạy thử của xưởng NPK.
- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm NPK Phú Mỹ tại tất cả các thị trường khu vực. Duy trì và xây dựng lộ trình phát triển tăng dần thị phần NPK Phú Mỹ tại thị trường khu vực để đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng TCT phân bổ trong những năm tiếp theo khi Nhà máy sản xuất NPK của TCT đi vào hoạt động;
- Cung cấp gói sản phẩm phân bón chất lượng cao, đa dạng mang thương hiệu Phú Mỹ và các loại phân bón khác cho khách hàng khu vực có hiệu quả.
- Tích cực tham gia công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Dựa trên thông tin thị trường, nắm bắt thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, đối thủ tại khu vực. Chủ động đăng ký đề tài nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, phối hợp chặt chẽ với Ban NCPT Tổng công ty thông tin ý tưởng, đề xuất nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu và định hướng thị trường.
- Tổ chức khai thác hàng ngoài để nâng cao hiệu quả sử dụng các kho do đơn vị quản lý.
- Quản lý công tác đầu tư, mua sắm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tổng công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hoá quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBNV để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ.
- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh, phấn đấu tiết kiệm 5% chi phí quản lý và bán hàng.



- Tích cực xây dựng văn hóa và thương hiệu Công ty gắn liền với văn hóa và thương hiệu “PVFCCo”. Không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động.
- Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo hài hòa lợi ích các cổ đông.

**V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có)**

**VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường cho Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.
- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

## PHẦN IV

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### **I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong bối cảnh tình hình thị trường phân bón năm 2016 có nhiều bất lợi, tình hình khí hậu biến đổi, diễn biến phức tạp, mức độ cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt. Các đối thủ cạnh tranh đẩy mạnh công tác thị trường tại những vùng trọng điểm nhằm chiếm lĩnh thị phần bằng các chính sách linh hoạt như hỗ trợ giá, tổ chức các cuộc hội thảo, gửi hàng... Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và Ban Giám đốc, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, xây dựng chương trình hành động nhằm khắc phục khó khăn và tận dụng mọi cơ hội để thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban Điều hành đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của năm, tăng cường công tác phối hợp với các Đại lý và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Đồng thời giữ vững thị phần Ure Phú Mỹ tại khu vực và tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới phân phối, xây dựng thành công thương hiệu phân bón Phú Mỹ được người tiêu dùng, bà con nông dân tại khu vực yêu thích, tin dùng. Chú trọng phát triển, quan tâm, chăm sóc cửa hàng cấp 2,3 tạo kênh phân phối xuyên suốt từ Công ty đến bà con nông dân.

Công ty thường xuyên rà soát, xây dựng phương án bố trí sắp xếp nhân sự, cơ cấu lại tỷ lệ lao động trực tiếp/gián tiếp hợp lý. Đội ngũ CBNV được đào tạo, rèn luyện ngày càng tiến bộ, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty. Việc triển khai và áp dụng Quy định về thiết lập và đánh giá chỉ số hoàn thành công việc KPIs đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc hăng say, chủ động sáng tạo, tích cực tìm kiếm giải pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Đồng thời, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nêu cao tinh thần tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của CBNV, và tiết giảm tối đa các chi phí trong mọi mặt hoạt động.

Ngoài ra, công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm duy trì và đặt lên hàng đầu. Kết quả trong năm 2016, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.

Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành Công ty đã đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại từng thời điểm và có chỉ đạo cụ thể thông qua các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị định kỳ, trong quá trình triển khai công việc Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 đã thông qua.

#### **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành. Kết thúc năm 2016, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

### III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2017, HĐQT xác định không ngừng nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty;
- Giữ vững thị phần ure, từng bước phát triển thị phần NPK Phú Mỹ, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt. Bảo vệ và phát triển uy tín, thương hiệu phân bón Phú Mỹ;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm;
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017.

Trên đây là những phân tích đánh giá cơ bản công tác điều hành trong năm 2016 và những định hướng kế hoạch công tác mới trong năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.

## PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

#### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2016-2020), trong đó có 1 Chủ tịch chuyên trách, 1 thành viên kiêm Giám đốc, 1 thành viên kiêm Phó Giám đốc, 1 thành viên kiêm Kế toán trưởng, và 1 thành viên không điều hành.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Cao Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	30.000	3.030.000
2	Trần Tuấn Nam	UV.HĐQT, GĐ	2.000.000	0	2.000.000
3	Nguyễn Văn Quyền	UV.HĐQT, PGĐ	1.250.000	0	1.250.000
4	Lê Thanh Viên	UV.HĐQT, KTT	0	20.000	20.000
5	Nguyễn Phạm Trung	UV.HĐQT	1.250.000	0	1.250.000

#### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2016, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban điều hành. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Ban hành kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2016.
- Giao kế hoạch kinh doanh năm 2016, thông qua việc điều chỉnh kế hoạch chi phí chi tiết năm 2016 của Công ty.
- Ban hành, cập nhật, sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016: 6% mệnh giá cổ phiếu.
- Chỉ đạo công tác quản lý, tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực.
- Chỉ đạo cập nhật, triển khai Chiến lược phát triển Công ty.
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2017.

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban điều hành có sự tham dự của HĐQT.

**3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban trong HĐQT:**

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực nhằm thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

**4. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

1. Ông Cao Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Văn Quyền, Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc
3. Ông Lê Thanh Viên, Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng

Danh sách các thành viên HĐQT chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

1. Ông Trần Tuấn Nam, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
2. Ông Nguyễn Phạm Trung, Thành viên HĐQT

**II. Ban Kiểm soát**

**1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban	0	5.000	5.000
2	Phạm Thành Long	Thành viên	0	0	0
3	Nguyễn Thanh Mạnh	Thành viên	0	0	0

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Năm 2016, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức họp 04 lần để thống nhất thông qua các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát với các nội dung chủ yếu:

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của ĐHCĐ năm 2016 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2016.
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban công ty cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo công tác quản lý hàng tháng.
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 3. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty:

Thực hiện kế hoạch năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 08/4/2016, kết quả đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	TH/KH
<b>Sản lượng kinh doanh</b>	<b>Tấn</b>	<b>260.000</b>	<b>311.617</b>	<b>120%</b>
Ure Phú Mỹ	Tấn	160.000	204.201	128%
Phân bón Phú Mỹ khác	Tấn	65.000	72.051	111%
Phân bón tự doanh	Tấn	35.000	35.131	100%
Hóa chất	Tấn	0	234	0%
<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.956,60	2.002,67	102%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,94	31,49	158%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,95	25,17	158%
Nộp NSNN	Tỷ đồng	5,53	11,59	210%

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2016 là 6%/mệnh giá tương đương 600 đồng/cổ phần (Nghị quyết số 673/NQ-CMT ngày 03/11/2016).

### 4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn của chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết nghị của HĐQT. Việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát nhận thấy báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định, của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

### 5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc triển khai, quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính, các báo cáo quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Giám đốc.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

### III. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Công ty.

Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Tiền thưởng và phúc lợi: các thành viên HĐQT, thành viên ban Kiểm soát, ban điều hành hưởng các khoản tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ khen thưởng – phúc lợi chung của toàn Công ty dành cho người lao động.

#### 1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

*DVT: nghìn đồng*

Stt	Chức danh	Tiền lương + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>2,537,047</b>	<b>990,799</b>	<b>138,888</b>	<b>3,666,733</b>
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	728,080	284,178	37,231	1,049,489
2	UV HĐQT kiêm Giám đốc	640,048	265,398	46,791	952,236
3	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	569,399	192,755	20,934	783,087
4	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	551,520	187,175	33,932	772,626
5	UV HĐQT không chuyên trách	48,000	61,295	0	109,295
<b>II.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>102,000</b>	<b>112,373</b>	<b>18,104</b>	<b>232,477</b>
1	Trưởng Ban Kiểm soát	42,000	51,079	18,104	111,183
2	Thành viên Ban kiểm soát	30,000	30,647	0	60,647
3	Thành viên Ban kiểm soát	30,000	30,647	0	60,647
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,639,047</b>	<b>1,103,172</b>	<b>156,992</b>	<b>3,899,210</b>

#### 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2016, các cổ đông nội bộ của Công ty không thực hiện giao dịch.

3. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** trong năm 2016, Công ty có phát sinh giao dịch với Tổng công ty ở 03 lĩnh vực: Hợp đồng mua bán Phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ; Hợp đồng dịch vụ hậu cần (bốc xếp, vận chuyển, lưu kho) và Hợp đồng phân cấp thực hiện công tác tiếp thị truyền thông, xúc tiến thương mại, dịch vụ kỹ thuật).

#### 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty Cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

**PHẦN VI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
(đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**GIÁM ĐỐC**



*Trần Tuấn Nam*  
**Trần Tuấn Nam**

*C.P.K.*

*Trần Tuấn Nam*



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Cao Trung Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Phạm Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Mai Minh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)

##### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2016)
Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



*Trần Tuấn Nam*  
**Trần Tuấn Nam**  
**Giám đốc**

Ngày 15 tháng 02 năm 2017 *Như*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Hoàng Lan Hương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.787.164.341</b>	<b>207.235.997.002</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>63.204.394.507</b>	<b>107.126.128.345</b>
1. Tiền	111		8.204.394.507	17.126.128.345
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	90.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.161.092.441</b>	<b>25.777.482.051</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.025.962.274	14.027.029.948
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.628.548.064	6.860.161.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.506.582.103	4.890.290.153
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>32.137.447.147</b>	<b>64.023.816.797</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.762.514.698	68.401.778.525
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.625.067.551)	(4.377.961.728)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>284.230.246</b>	<b>308.569.809</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	284.230.246	308.569.809
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.352.719.338</b>	<b>57.373.382.811</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>123.870.000</b>	<b>121.560.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		123.870.000	121.560.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.938.729.174</b>	<b>50.727.990.754</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.289.979.517	29.040.433.768
- Nguyên giá	222		71.075.140.470	69.531.840.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.785.160.953)	(40.491.406.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.648.749.657	21.687.556.986
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.137.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(607.891.593)	(450.084.264)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>519.402.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	519.402.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.290.120.164</b>	<b>6.004.430.057</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.095.540.511	5.977.871.793
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		194.579.653	26.558.264
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>196.139.883.679</b>	<b>264.609.379.813</b>

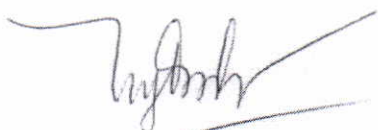
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

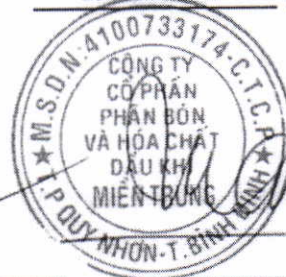
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.142.098.371</b>	<b>101.426.033.058</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.142.098.371</b>	<b>101.426.033.058</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.686.999.670	77.052.277.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	8.440.870.941	2.866.646.260
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.358.433.559	4.419.166.972
4. Phải trả người lao động	314		4.035.857.785	3.563.408.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		972.898.264	120.719.383
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.085.462.650	6.972.316.840
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.561.575.502	6.431.498.484
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>160.997.785.308</b>	<b>163.183.346.755</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>160.997.785.308</b>	<b>163.183.346.755</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	23.626.337.308
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.113.067.204	39.557.009.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.159.116.852	30.467.853.124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.953.950.352	9.089.156.323
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>196.139.883.679</b>	<b>264.609.379.813</b>


Phan Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởngTrần Tuấn Nam  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN**

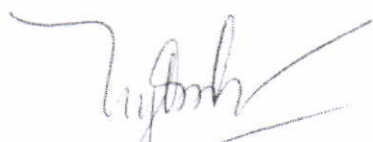
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

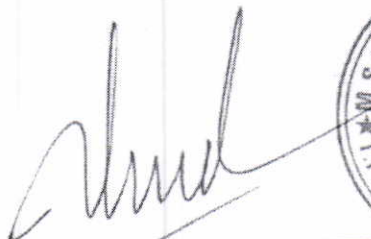
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>2.021.161.420.377</b>	<b>2.479.641.428.655</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	23.909.723.929	27.505.234.904
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>1.997.251.696.448</b>	<b>2.452.136.193.751</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.910.248.763.572	2.369.227.210.204
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>87.002.932.876</b>	<b>82.908.983.547</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.217.623.983	3.427.444.857
7. Chi phí tài chính	22		-	224.347.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	224.347.222
8. Chi phí bán hàng	25	23	35.934.951.956	29.366.977.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	24.996.705.996	22.352.989.728
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>31.288.898.907</b>	<b>34.392.113.665</b>
11. Thu nhập khác	31	24	203.652.211	1.554.773.114
12. Chi phí khác	32	24	10.583	47.834.565
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>24</b>	<b>203.641.628</b>	<b>1.506.938.549</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>31.492.540.535</b>	<b>35.899.052.214</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	6.492.946.000	7.967.758.588
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(168.021.389)	(26.558.264)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>25.167.615.924</b>	<b>27.957.851.890</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>1.921</b>	<b>2.109</b>



**Phan Thị Tuyết Minh**  
Người lập biểu



**Lê Thanh Viên**  
Kế toán trưởng



**Trần Tuấn Nam**  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN**

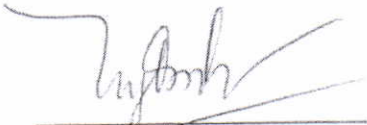
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

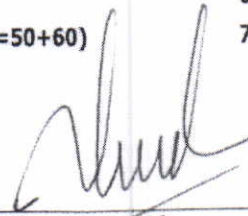
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

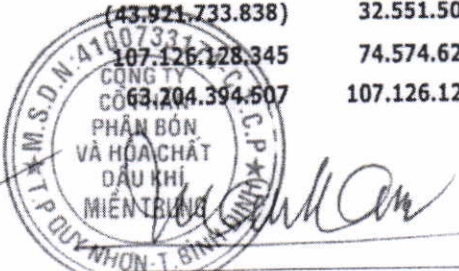
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>31.492.540.535</b>	<b>35.899.052.214</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.451.561.580	6.599.849.524
Các khoản dự phòng	03		(2.752.894.177)	4.096.585.791
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.166.800)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.217.623.983)	(3.427.444.857)
Chi phí lãi vay	06		-	224.347.222
Tài sản tăng do khuyến mại mua hàng	07		-	(821.128.000)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>29.970.417.155</b>	<b>42.571.261.894</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.132.100.946)	19.638.140.739
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.639.263.827	16.676.810.087
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(63.420.605.294)	44.271.677.069
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93.329.155)	(42.939.387)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(256.972.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.953.963.611)	(7.842.838.981)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		646.000.000	370.371.700
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.869.100.353)	(7.432.280.556)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(17.213.418.377)</b>	<b>107.953.230.343</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.662.300.000)	(329.933.361)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(150.000.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		140.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.963.804.539	3.433.486.524
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.698.495.461)</b>	<b>(6.896.446.837)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	35		-	(52.500.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.009.820.000)	(16.005.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.009.820.000)</b>	<b>(68.505.280.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(43.921.733.838)</b>	<b>32.551.503.506</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		107.126.128.345	74.574.624.839
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		63.204.394.507	107.126.128.345

  
Phan Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

  
Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởng

  
Trần Tuấn Nam  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,  
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 58 người).

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

##### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại Đắk Lắk và Quảng Nam.

##### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	186.869.421	6.930.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.017.525.086	17.119.197.763
Các khoản tương đương tiền (*)	55.000.000.000	90.000.000.000
	<u><b>63.204.394.507</b></u>	<u><b>107.126.128.345</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5,0%/năm.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>11.384.173.818</b>	<b>1.902.113.444</b>
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	11.322.847.500	1.880.934.822
Các khách hàng khác	61.326.318	21.178.622
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>9.641.788.456</b>	<b>12.124.916.504</b>
	<b>21.025.962.274</b>	<b>14.027.029.948</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>5.628.548.064</b>	<b>6.860.161.950</b>
	<b>5.628.548.064</b>	<b>6.860.161.950</b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>663.479.093</b>	<b>3.958.985.264</b>
Cục Thuế tỉnh Bình Định	-	3.392.111.904
Lãi tiền gửi dự thu	168.916.666	234.708.333
Phải thu khác	494.562.427	332.165.027
<b>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>843.103.010</b>	<b>931.304.889</b>
	<b>1.506.582.103</b>	<b>4.890.290.153</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.330.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	106.950.800	-	-	-
Hàng hóa	33.654.233.898	(1.625.067.551)	68.401.778.525	(4.377.961.728)
<b>Cộng</b>	<b>33.762.514.698</b>	<b>(1.625.067.551)</b>	<b>68.401.778.525</b>	<b>(4.377.961.728)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 1.625.067.551 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	60.758.946.457	454.718.500	5.979.029.335	2.339.146.178	69.531.840.470
Mua sắm mới	1.432.750.000	-	-	110.550.000	1.543.300.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>62.191.696.457</b>	<b>454.718.500</b>	<b>5.979.029.335</b>	<b>2.449.696.178</b>	<b>71.075.140.470</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	35.300.608.472	454.718.500	2.785.477.646	1.950.602.084	40.491.406.702
Trích khấu hao trong năm	5.257.112.934	-	867.659.645	168.981.672	6.293.754.251
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>40.557.721.406</b>	<b>454.718.500</b>	<b>3.653.137.291</b>	<b>2.119.583.756</b>	<b>46.785.160.953</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	25.458.337.985	-	3.193.551.689	388.544.094	29.040.433.768
Tại ngày cuối năm	21.633.975.051	-	2.325.892.044	330.112.422	24.289.979.517

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.938.807.568 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.527.303.416 đồng).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	22.022.177.889	115.463.361	22.137.641.250
Mua sắm mới	80.750.000	38.250.000	119.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.102.927.889</b>	<b>153.713.361</b>	<b>22.256.641.250</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	423.926.042	26.158.222	450.084.264
Trích khấu hao trong năm	113.780.608	44.026.721	157.807.329
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>537.706.650</b>	<b>70.184.943</b>	<b>607.891.593</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	21.598.251.847	89.305.139	21.687.556.986
Tại ngày cuối năm	21.565.221.239	83.528.418	21.648.749.657

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>284.230.246</b>	<b>308.569.809</b>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	190.618.421	177.387.158
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	93.611.825	131.182.651
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.095.540.511</b>	<b>5.977.871.793</b>
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.334.681.057	5.487.464.285
Chi phí trả trước dài hạn khác	760.859.454	490.407.508
	<b>6.379.770.757</b>	<b>6.286.441.602</b>



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>3.519.973.240</b>	<b>3.519.973.240</b>	<b>3.363.185.612</b>	<b>3.363.185.612</b>
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.034.048.893	1.034.048.893	532.593.525	532.593.525
Công ty TNHH Vân Hùng Wine	855.000.000	855.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ngô Gia Phát	-	-	1.557.600.000	1.557.600.000
Các nhà cung cấp khác	1.630.924.347	1.630.924.347	1.272.992.087	1.272.992.087
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>3.167.026.430</b>	<b>3.167.026.430</b>	<b>73.689.091.405</b>	<b>73.689.091.405</b>
	<b>6.686.999.670</b>	<b>6.686.999.670</b>	<b>77.052.277.017</b>	<b>77.052.277.017</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>	<b>5.094.690.631</b>	<b>2.022.518.249</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T & A	144.830.000	311.899.760
Công ty TNHH Hồng Nhung	1.136.495.678	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	1.273.257.924	2.453.003
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	1.013.969.141	5.492.500
Các khách hàng khác	1.526.137.888	1.702.672.986
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>3.346.180.310</b>	<b>844.128.011</b>
	<b>8.440.870.941</b>	<b>2.866.646.260</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	469.103.847	1.366.565.065	1.192.124.888	643.544.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.430.996.504	6.492.946.000	7.953.963.611	1.969.978.893
Tiền thuê đất	-	49.200.000	49.200.000	-
Các loại thuế khác	519.066.621	2.646.497.651	2.420.653.630	744.910.642
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	519.066.621	2.641.497.651	2.415.653.630	744.910.642
<b>Cộng</b>	<b>4.419.166.972</b>	<b>10.555.208.716</b>	<b>11.615.942.129</b>	<b>3.358.433.559</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>1.583.023.290</b>	<b>1.617.316.840</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	-	3.774.600
Cổ tức phải trả	1.502.600.000	1.512.420.000
Phải trả ngắn hạn khác	80.423.290	101.122.240
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>4.502.439.360</b>	<b>5.355.000.000</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>6.085.462.650</b>	<b>6.972.316.840</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>22.228.444.713</b>	<b>30.467.853.124</b>	<b>152.696.297.837</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.957.851.890	27.957.851.890
Trích lập quỹ	-	1.397.892.595	(6.868.695.567)	(5.470.802.972)
Trả cổ tức	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>23.626.337.308</b>	<b>39.557.009.447</b>	<b>163.183.346.755</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.167.615.924	25.167.615.924
Trích lập quỹ (1)	-	1.258.380.796	(8.611.558.167)	(7.353.177.371)
Trả cổ tức (2)	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>24.884.718.104</b>	<b>36.113.067.204</b>	<b>160.997.785.308</b>

(1) Căn cứ vào Nghị quyết số 176/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích bổ sung Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.397.892.595 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền tương ứng là 5.955.284.776 đồng và 1.258.380.796 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(2) Căn cứ vào Nghị quyết số 176/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông là 20% mệnh giá cổ phần tương đương 20.000.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã tạm trích cổ tức với số tiền 12.000.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện trích bổ sung cổ tức năm 2015 với số tiền 8.000.000.000 đồng đồng thời tạm trích cổ tức năm 2016 với số tiền 12.000.000.000 đồng.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000	17.100.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu phân bón	1.984.712.004.710	2.435.707.807.800
Doanh thu hóa chất	1.970.665.800	14.923.027.120
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.478.749.867	29.010.593.735
	<b>2.021.161.420.377</b>	<b>2.479.641.428.655</b>
Chiết khấu thương mại	23.032.688.929	27.405.994.904
Giảm giá hàng bán	877.035.000	99.240.000
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.997.251.696.448</b>	<b>2.452.136.193.751</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>684.407.444.593</b>	<b>969.055.923.124</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón	1.874.306.341.377	2.326.089.587.382
Giá vốn hóa chất	1.874.628.000	14.351.140.800
Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.067.794.195	28.786.482.022
	<b>1.910.248.763.572</b>	<b>2.369.227.210.204</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	24.138.127.891	21.689.972.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.451.561.580	6.599.849.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.836.656.560	46.996.011.665
Chi phí khác bằng tiền	2.826.344.414	5.865.235.005
	<b>96.252.690.445</b>	<b>81.151.069.163</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.575.207.536	9.025.647.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.470.396.318	4.400.561.246
Các khoản chi phí bán hàng khác	19.889.348.102	15.940.768.797
	<b>35.934.951.956</b>	<b>29.366.977.789</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	13.177.468.239	12.664.325.223
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.819.237.757	9.688.664.505
	<b>24.996.705.996</b>	<b>22.352.989.728</b>

**24. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>203.652.211</b>	<b>1.554.773.114</b>
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	184.357.472	718.570.521
Tài sản được khuyến mại	-	827.102.593
Thu nhập khác	19.294.739	9.100.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>10.583</b>	<b>47.834.565</b>
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	-	16.312.893
Chi phí khác	10.583	31.521.672
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>203.641.628</b>	<b>1.506.938.549</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>31.492.540.535</b>	<b>35.899.052.214</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	972.189.465	83.752.615
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>32.464.730.000</b>	<b>35.982.804.829</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.492.946.000</b>	<b>7.916.217.062</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	51.541.526
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.492.946.000</b>	<b>7.967.758.588</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>25.167.615.924</b>	<b>27.957.851.890</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	5.955.284.776	6.868.695.567
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>19.212.331.148</b>	<b>21.089.156.323</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.921</b>	<b>2.109</b>

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m<sup>2</sup>/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	Cổ đông
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Cổ đông

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>649.988.307.294</b>	<b>940.500.351.268</b>
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	33.652.875.975	47.300.015.400
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	13.547.893.750	31.229.090.000
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.970.665.800	14.923.027.120
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	660.450.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	7.770.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	557.761.421.769	779.040.448.748
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	42.395.000.000	68.000.000.000
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>34.419.137.299</b>	<b>28.555.571.856</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.234.587.620	9.434.998.227
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	30.153.809.676	18.748.611.683
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	198.911.553
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	470.363	10.521.800
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	5.100.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	30.269.640	157.428.593
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>1.815.517.337.371</b>	<b>2.230.037.605.618</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.376.860.825.448	1.501.656.073.672
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	248.348.461	1.233.676.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	340.105.364.912	609.695.535.557
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	629.446.882
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	66.240.000	232.980.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	6.183.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	358.990.522	522.117.928
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	56.083.500	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	90.614.302.500	115.183.622.591
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	20.700.000	84.600.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	920.074.208	799.552.988
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	24.392.720	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	59.015.100	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.000.000.000	12.000.000.000

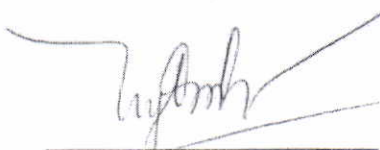
**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

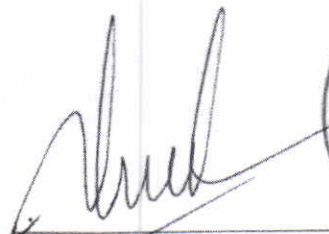
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5.158.702.014	5.378.061.808

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**


**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>9.641.788.456</b>	<b>12.124.916.504</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.572.273.456	3.932.676.259
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	33.000	3.261.323.890
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6.361.355
Công ty TNHH MTV Minh Tân	7.069.482.000	4.924.555.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>5.628.548.064</b>	<b>6.860.161.950</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.328.548.064	6.775.338.200
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	-	84.823.750
Công ty TNHH MTV Minh Tân	1.300.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>843.103.010</b>	<b>931.304.889</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	464.603.010	872.416.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	378.500.000	58.888.889
<b>Phải trả người bán</b>	<b>3.167.026.430</b>	<b>73.689.091.405</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	73.374.670
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.072.220.849	687.273.829
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	94.805.581	54.253.889
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	72.874.189.017
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>3.346.180.310</b>	<b>844.128.011</b>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	54.600.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	141.744.025	120.464.600
Công ty TNHH MTV Minh Tân	2.543.986.285	669.063.411
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	660.450.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>4.502.439.360</b>	<b>5.355.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.502.439.360	5.355.000.000
- Cổ tức	4.500.000.000	4.500.000.000
- Ứng trước thực hiện chương trình Tết vì người nghèo	-	855.000.000
- Phải trả khác	2.439.360	-

  
Phan Thị Tuyết Minh  
Người lập biểu

  
Lê Thanh Viên  
Kế toán trưởng



  
Trần Tuấn Nam  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017